

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đề thi gồm có 04 trang)

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh.....
Số báo danh.....

Mã đề thi 022

(Lưu ý: Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam trong phòng thi)

Câu 41. Xu hướng nổi bật của ngành chăn nuôi nước ta hiện nay là

- A. ứng dụng nhiều khoa học kỹ thuật. B. tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa.
C. phát triển mạnh về dịch vụ, thú y. D. tăng tỷ trọng sản phẩm không qua giết thịt.

Câu 42. Các ngành công nghiệp chuyên môn hóa của hướng Hà Nội - Nam Định - Ninh Bình - Thanh Hóa là

- A. cơ khí, khai thác than, vật liệu xây dựng. B. hóa chất, giấy, thủy điện.
C. dệt may, điện, vật liệu xây dựng. D. cơ khí, vật liệu xây dựng, phân hóa học.

Câu 43. Biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ rừng sản xuất ở nước ta là

- A. bảo vệ cảnh quan đa dạng sinh vật ở các vườn quốc gia.
B. đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.
C. giao đất, giao rừng, trồng rừng trên đất trống đồi núi trọc.
D. có kế hoạch, biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có.

Câu 44. Việc tăng trưởng kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng nước ta luôn gắn với

- A. vấn đề đầu tư vốn, khoa học kỹ thuật. B. vấn đề bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
C. vấn đề kìm chế tốc độ gia tăng dân số. D. giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

Câu 45. Việc nâng cấp, hiện đại các sân bay ở vùng Bắc Trung Bộ nước ta nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Phân bố lại dân cư. B. Hình thành khu kinh tế cảng biển.
C. Thu hút khách du lịch. D. Tăng khả năng vận chuyển Bắc - Nam.

Câu 46. Ở đồng bằng hạ lưu các sông lớn khu vực Nam Trung Bộ nước ta bị ngập lụt mạnh vào các tháng IX - X không phải do

- A. lũ nguồn về. B. triều cường.
C. mưa bão lớn. D. nước biển dâng.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết các loại khoáng sản chủ yếu nào sau đây có ở vùng Đông Nam Bộ?

- A. Đá vôi xi măng, đá axít, bôxit. B. Titan, đá axít, graphit.
C. Môlipđen, titan, đá vôi xi măng. D. Than bùn, đá axít, đá vôi xi măng.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất vùng núi Trường Sơn Bắc?

- A. Rào Cỏ. B. Pu Xai Lai Leng.
C. Động Ngai. D. Bạch Mã.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích gieo trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực lớn nhất Đồng bằng ven biển miền Trung?

- A. Nghệ An. B. Bình Định. C. Quảng Ngãi. D. Bình Thuận.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm trên đất liền?

- A. Bạch Mã. B. Cát Bà. C. Côn Đảo. D. Phú Quốc.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cửa khẩu nào sau đây nằm giữa biên giới Việt Nam và Lào?

- A. Xà Xía. B. Lào Cai. C. Tây Trang. D. Hữu Nghị.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô sản xuất dưới 9 nghìn tỷ đồng?

- A. Hải Phòng. B. Hà Nội. C. Cẩm Phả. D. Đà Nẵng.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển Vân Phong thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Ninh. B. Thừa Thiên Huế.
C. Phú Yên. D. Khánh Hòa.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết ngành công nghiệp nào sau đây **không** thuộc nhóm ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?

- A. Da, giày. B. Lương thực.
C. Gỗ, giấy, xenlulô. D. Dệt, may.

Câu 55. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây **không** trực tiếp đổ ra Biển Đông?

- A. Sông Kỳ Cùng-Bằng Giang. B. Sông Thu Bồn.
C. Sông Đồng Nai. D. Sông Hồng.

Câu 56. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch Hà Nội có các tài nguyên du lịch nào sau đây?

- A. Thắng cảnh, di tích lịch sử cách mạng, làng nghề cổ truyền, di sản thiên nhiên thế giới.
B. Làng nghề cổ truyền, thắng cảnh, di tích lịch sử cách mạng, du lịch biển.
C. Di sản văn hóa thế giới, du lịch biển, di tích lịch sử cách mạng, thắng cảnh.
D. Thắng cảnh, di tích lịch sử cách mạng, làng nghề cổ truyền, lễ hội truyền thống.

Câu 57. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây của Đồng bằng sông Cửu Long có đường biên giới với Campuchia?

- A. Cà Mau. B. Sóc Trăng. C. Cần Thơ. D. An Giang.

Câu 58. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết những tỉnh/thành nào sau đây thuộc đô thị loại I?

- A. Đồng Hới, Tuy Hòa. B. Vinh, Quy Nhơn.
C. Hải Phòng, Đà Nẵng. D. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.

Câu 59. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết những khu vực nào sau đây có nhiệt độ cao nhất vào tháng VII?

- A. Tây Bắc, Đồng bằng sông Hồng. B. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng, Duyên hải miền Trung.

Câu 60. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết quốc gia nào sau đây có giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa với nước ta lớn nhất?

- A. Xingapo. B. Nhật Bản. C. Hoa Kỳ. D. Trung Quốc.

Câu 61. Cho bảng số liệu:

TỶ SUẤT SINH THÔ, TỶ SUẤT TỬ THÔ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1999 - 2018

(Đơn vị: ‰)

Năm	1999	2009	2010	2015	2018
Tỷ suất sinh thô	19,9	17,6	17,1	16,2	14,6
Tỷ suất tử thô	5,6	6,8	6,8	6,8	6,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tình hình phát triển dân số của nước ta giai đoạn 1999 - 2018?

- A. Tỷ suất sinh thô và tử thô đều tăng. B. Tỷ suất gia tăng tự nhiên giảm liên tục.
C. Năm 2018, tỷ suất gia tăng tự nhiên đạt 1,5%. D. Tỷ suất sinh thô và tử thô giảm liên tục.

Câu 62. Việc tăng cường cơ sở năng lượng ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nước ta đem lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Tăng khả năng vai trò vận chuyển Bắc - Nam.
B. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, chuyển dịch kinh tế.
C. Thúc đẩy phát triển tổng hợp ngành kinh tế biển.
D. Phân bố lại dân cư, hình thành mạng lưới đô thị.

Câu 63. Ngành du lịch nước ta phát triển nhanh từ đầu thập kỉ 90 của thế kỷ XX đến nay chủ yếu do

- A. chính sách Đổi mới của Nhà nước. B. nhu cầu du lịch tăng cao, đời sống cải thiện.
C. hình thức du lịch đa dạng, hấp dẫn. D. tiềm năng phát triển ngành du lịch rất lớn.

Câu 64. Để đẩy mạnh trồng cây công nghiệp lâu năm ở vùng Tây Nguyên nước ta biện pháp quan trọng hàng đầu là

- A. mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp.
- B. đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa nông thôn.
- C. phát triển công nghiệp chế biến gắn với vùng chuyên canh.
- D. phát triển thủy điện gắn với thủy lợi.

Câu 65. Vị trí nước ta nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa nên có

- A. sinh vật giàu thành phần loài.
- B. nhiệt độ cao, chan hòa ánh nắng.
- C. khoáng sản phong phú.
- D. khí hậu phân thành hai mùa.

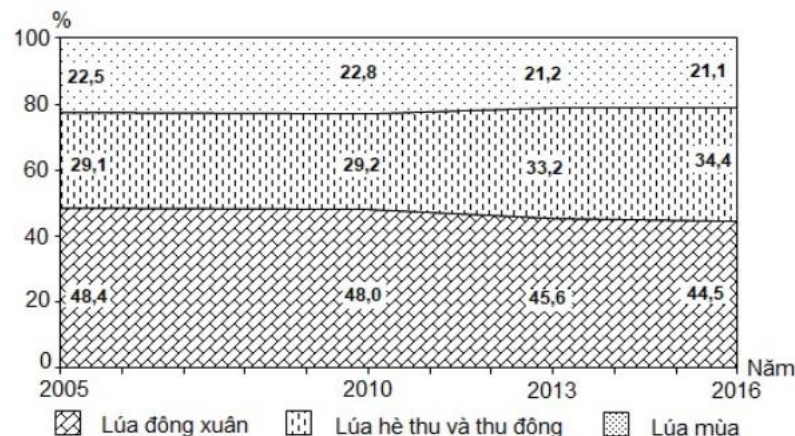
Câu 66. Thế mạnh chủ yếu để xây dựng các nhà máy thủy điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nước ta là

- A. nhu cầu tiêu dùng điện lớn.
- B. chế độ nước sông theo mùa.
- C. sông lớn chảy trên địa hình dốc.
- D. lao động có chuyên môn kỹ thuật.

Câu 67. Hoạt động kinh tế nào sau đây sẽ thúc đẩy sự thay đổi mạnh mẽ về cơ cấu kinh tế và phân hóa lãnh thổ của vùng Đông Nam Bộ nước ta?

- A. Phát triển công nghiệp lọc, hóa dầu.
- B. Đẩy mạnh trồng cây công nghiệp, cây ăn quả.
- C. Đầu tư xây dựng các cơ sở năng lượng.
- D. Phát triển hoạt động thương mại, ngân hàng.

Câu 68. Cho biểu đồ:



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG LÚA PHÂN THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2016
(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về sự thay đổi cơ cấu sản lượng lúa phân theo mùa vụ của nước ta, giai đoạn 2005-2016?

- A. Tỷ trọng lúa đông xuân giảm nhẹ.
- B. Tỷ trọng lúa hè thu và thu đông tăng.
- C. Tỷ trọng lúa mùa tăng.
- D. Tỷ trọng lúa đông xuân cao nhất.

Câu 69. Sự phát triển, phân bố và hoạt động của ngành giao thông vận tải ở nước ta phụ thuộc chủ yếu vào nhân tố nào sau đây?

- A. Sự phân bố dân cư, mạng lưới quần cư.
- B. Sự phân bố các loại tài nguyên khoáng sản.
- C. Sự phân bố các đầu mối giao thông vận tải.
- D. Sự phát triển, phân bố các ngành kinh tế.

Câu 70. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ý nghĩa của mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc ở Đồng bằng sông Cửu Long nước ta?

- A. Hình thành nền văn hóa sông nước.
- B. Phát triển giao thông đường sông.
- C. Phát triển giao thông đường bộ.
- D. Mang phù sa bồi đắp đồng bằng.

Câu 71. Tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực nông thôn nước ta hiện nay còn lớn chủ yếu do

- A. tính chất mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp.
- B. người lao động thiếu kinh nghiệm sản xuất.
- C. tình trạng gia tăng dân số quá nhanh.
- D. hoạt động công nghiệp chưa phát triển.

Câu 72. Cho bảng số liệu:

**KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2010 - 2018**

(Đơn vị: Triệu tấn)

Năm	Tổng số	Đường sắt	Đường bộ	Đường sông	Đường biển	Đường hàng không
2010	800,9	7,9	587,0	144,2	61,6	0,2
2014	1078,6	7,2	821,7	190,6	58,9	0,2
2018	1526,9	5,7	1195,9	250,3	74,6	0,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô và cơ cấu khối lượng hàng hóa vận chuyển phân theo loại hình vận tải của nước ta giai đoạn 2010 - 2018, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Miền. C. Cột. D. Đường.

Câu 73. Việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta hiện nay đem lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng kinh tế.
B. Khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
C. Tăng cường hội nhập vào nền kinh tế khu vực.
D. Sử dụng hợp lý nguồn lao động trong nước.

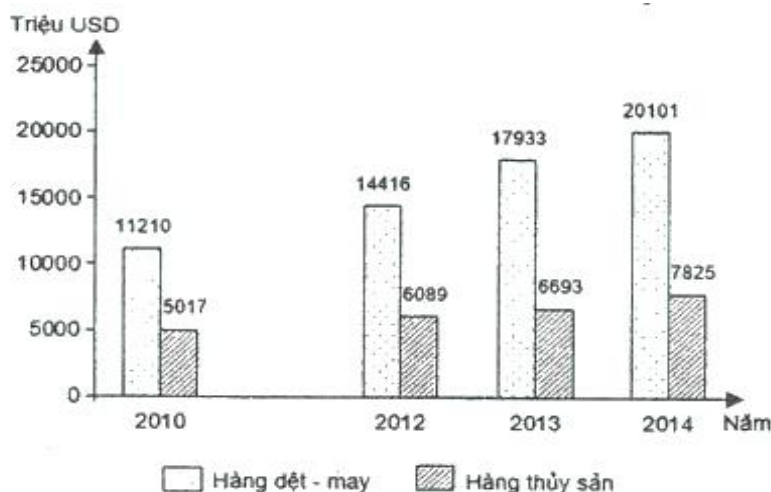
Câu 74. Dân số nước ta có xu hướng già hóa nhanh **không** phải do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe được nâng cao.
B. Tỷ suất sinh và tỷ suất tử giảm nhanh.
C. Tuổi thọ trung bình ngày càng cao.
D. Số người ngoài độ tuổi lao động ngày càng lớn.

Câu 75. Hiện nay, việc đẩy mạnh đánh bắt thủy sản xa bờ ở nước ta nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Tăng giá trị sản xuất nhiều loài thủy sản quý hiếm.
B. Giải quyết việc làm, phát huy thế mạnh kinh tế biển.
C. Khai thác tốt hơn nguồn lợi thủy sản, bảo vệ an ninh vùng biển.
D. Bảo vệ môi trường, khẳng định chủ quyền biển, đảo.

Câu 76. Cho biểu đồ về xuất khẩu hàng dệt may, thủy sản của nước ta giai đoạn 2010 - 2014



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng dệt may, thủy sản của nước ta.
B. Chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng dệt may, thủy sản của nước ta.
C. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất khẩu hàng dệt may, thủy sản của nước ta.
D. Giá trị xuất khẩu hàng dệt may, thủy sản của nước ta.

Câu 77. Số dân thành thị ở nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu do

- A. các đô thị dễ tìm việc làm, thu nhập cao. B. tác động của hội nhập kinh tế toàn cầu.
C. môi trường ở nông thôn ngày càng ô nhiễm. D. tác động của quá trình công nghiệp hóa.

Câu 78. So với diện tích cả nước, địa hình đồi núi thấp chiếm khoảng 60% diện tích lãnh thổ do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Quá trình kiến tạo lâu dài, chịu tác động của ngoại lực.
B. Địa hình được vận động tân kiến tạo làm trẻ lại.
C. Nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
D. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.

Câu 79. Khu vực Cực Nam Trung Bộ nước ta có lượng mưa thấp nhất cả nước do tác động chủ yếu của những nhân tố nào sau đây?

- A. Địa hình thấp dạng lòng chảo, diện tích rừng ít, hoạt động gió tây nam.
B. Đặc điểm địa hình, bờ biển, hoạt động gió tây, hiện tượng nước trời.
C. Vị trí gần chí tuyến, hoạt động gió mùa đông bắc, ít ảnh hưởng của bão.
D. Hoạt động gió tây, tín phong bán cầu Bắc, các dãy núi lan ra sát biển.

Câu 80. Ở nước ta, mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam **không** phải do

- A. địa hình chủ yếu đồi núi thấp. B. hoạt động của hoàn lưu gió mùa.
C. hình dạng lãnh thổ, đường bờ biển kéo dài. D. chuyển động biểu kiến hằng năm của mặt trời.

----- HẾT -----